

**BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG**  
**REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE**

Kính gửi : - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước  
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP Hồ Chí Minh  
To: - State Securities Commission of Vietnam  
- Ho Chi Minh City Stock Exchange

|                                                         |                                                                                                                                                                    |
|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Tên Công ty quản lý quỹ:<br>Fund Management Company: | <b>CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM</b><br>KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD                                                                               |
| 2. Tên Ngân hàng giám sát:<br>Supervising bank:         | <b>Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa</b><br>Bank for Investment and Development of Vietnam JSC - Nam Ky Khoi Nghia Branch |
| 3. Tên Quỹ:<br>Fund name:                               | <b>QUỸ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND</b><br>KIM GROWTH VN DIAMOND ETF                                                                                                  |
| 4. Mã chứng khoán:<br>Securities code:                  | <b>FUEKIVND</b>                                                                                                                                                    |
| 5. Kỳ báo cáo:<br>Reporting Period:                     | <b>24/12/2025</b><br>24-Dec-2025                                                                                                                                   |
| 6. Ngày lập báo cáo:<br>Reporting Date:                 | <b>25/12/2025</b><br>25-Dec-2025                                                                                                                                   |

Đối với quỹ định giá hàng ngày/For Fund with daily valuation

Đơn vị tính: VND  
Unit: VND

| ST<br>T<br>NO | CHỈ TIÊU<br>CRITERIA                                        | KỲ BÁO CÁO NÀY<br>THIS PERIOD<br>24/12/2025 | KỲ BÁO CÁO TRƯỚC<br>LAST PERIOD<br>23/12/2025 |
|---------------|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| 1             | <b>Giá trị tài sản ròng</b><br>Net Asset Value              |                                             |                                               |
| 1.1           | <i>của quỹ/per Fund</i>                                     | 76,820,375,506                              | 76,425,066,460                                |
| 1.2           | <i>của một lô chứng chỉ quỹ/per lot of Fund certificate</i> | 1,422,599,546                               | 1,415,279,008                                 |
| 1.3           | <i>của một chứng chỉ quỹ/per Fund certificate</i>           | 14,225.99                                   | 14,152.79                                     |

**Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát**  
*Authorised Representative of Supervisory Bank*



**Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN**  
**CN Nam Kỳ Khởi Nghĩa**  
**Nguyễn Thị Minh Châu**  
**Phó Giám đốc Chi nhánh**

**Đại diện có thẩm quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ**  
**Người được ủy quyền công bố thông tin**  
*Authorised Representative of Fund Management Company*  
*Authorised Person and disclosing information*



**Hyun Dongsik**  
**CHỦ TỊCH HĐQT**  
**Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam**